

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29/5/2020

*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Minh Khánh

Ông Nguyễn Hoàng Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/9/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/4/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2020 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Chị Trương Thị Quế N, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 1, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**-Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Kanagawwa-K, Yokohama-S, Izuma-K, Kamiida-C 2670 Icho-D, Nhật Bản.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 05/8/2019, nguyên đơn là chị Trương Thị Quế N trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn ngày 26/5/2011 tại Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống với nhau tại Việt Nam khoảng một tuần, sau đó đến tháng 6/2011 anh D quay về Nhật Bản để làm việc và sinh sống, còn chị vẫn ở Việt Nam. Kể từ khi anh D quay về Nhật Bản thì chị không thể liên

lạc được với anh D, chị đã tìm mọi cách để liên lạc với anh D nhưng vô vọng. Anh D cũng không có thân nhân nào ở Việt Nam. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

-Về con chung: Anh chị không có con chung, không đề nghị Toà án giải quyết,

-Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

*Bị đơn là anh Nguyễn Văn D không có bản tự khai.*

Ngày 07/10/2019, Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có văn bản ủy thác số 339/UTTPDS-TA5 gửi Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản để ủy thác Thông báo về việc thụ lý vụ án số 114/TBTL-TA ngày 09/9/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang cho anh Nguyễn Văn D. Ngày 25/11/2019, Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản có văn bản thông báo về việc Đại sứ quán đã gửi thông báo tới địa chỉ trên, nhưng bưu tá trả lại do không có người nhận và đã niêm yết thời gian 01 tháng tại phòng lãnh sự.

Sau khi nhận được kết quả, ngày 12/12/2019, Toà án đã có văn bản số 476/2019/TB-TGD yêu cầu chị Trương Thị Quế N cung cấp địa chỉ mới của bị đơn anh Nguyễn Văn D.

Ngày 18/12/2019, chị N có đơn đề nghị trình bày chị không cung cấp được địa chỉ nào khác của anh Nguyễn Văn D tại Nhật Bản. Chị đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đăng thông tin về thời gian giải quyết vụ án trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan đại diện Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và Cổng thông tin điện tử của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Ngày 30/12/2019, Toà gia đình -Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có văn bản số 511/2019/TA-TGD yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đăng nội dung kèm theo văn bản trên trên Cổng thông tin điện tử của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Ngày 02/01/2020, Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã đăng tin thông báo theo nội dung công văn trên. Ngày 30/12/2020, Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có văn bản số 509/2019/TA-TGD yêu cầu Cục Lãnh sự Bộ ngoại giao và Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản đăng thông tin giải quyết vụ án nói trên trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Nhật Bản. Như vậy, các nội dung yêu cầu này đã được tiến hành đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử. Nhưng từ đó đến nay, Toà án vẫn không nhận được ý kiến phản hồi của anh Nguyễn Văn D.

*Tại phiên tòa, chị Trương Thị Quế N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn D vắng mặt không có lý do.*

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị N, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã tuân thủ đúng các

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã có đơn xin vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn anh Nguyễn Văn D, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục như ủy thác tư pháp, Phòng lãnh sự tại Nhật Bản đã niết yết thời gian 01 tháng; đăng trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Nhật Bản. Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Nhưng anh Nguyễn Văn D không có lời khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, vắng mặt khi Tòa án triệu tập, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56; Điều 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Quế N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Quế N được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Án Phí: Chị Trương Thị Quế N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Chị Trương Thị Quế N là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trương Thị Quế N.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa: Việc ủy thác tư pháp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 474, điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự như: Đăng Thông báo về việc thụ lý vụ án, thời gian giải quyết vụ án trên Cổng thông tin điện tử Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản; Đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản cũng đã niêm yết các văn bản trên cho anh Nguyễn Văn D tại Phòng lãnh sự trong thời gian 01 tháng. Do vậy, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về thẩm quyền:** Chị Trương Thị Quế N có địa chỉ cư trú tại thôn Khu 1, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang, chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn D. Anh Nguyễn Văn D là bị đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại

Nhật Bản, anh Nguyễn Văn D có hộ khẩu tại địa chỉ: Kanagawwa-K, Yokohama-S, Izuma-Ku, Kamiida-C 2670 Ichō-D, Nhật Bản. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[3]. Về quan hệ hôn nhân:**Chị Trương Thị Quế N và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/5/2011 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị N trình bày: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống với nhau tại Việt Nam khoảng một tuần, sau đó đến tháng 6/2011 anh D quay về Nhật Bản để làm việc và sinh sống, còn chị vẫn ở Việt Nam. Kể từ khi anh D quay về Nhật Bản thì chị không thể liên lạc được với anh D, chị đã tìm mọi cách để liên lạc với anh D nhưng vô vọng. Anh D cũng không có thân nhân nào ở Việt Nam. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ tháng 06/2011 đến nay chị N đã không còn liên lạc được với anh D, anh D không quan tâm điện thoại cho chị. Do khoảng cách địa lý và chị N không liên lạc được với anh D, anh D không có người thân nào ở Việt Nam để chị N có thể liên lạc, nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Xử cho chị Trương Thị Quế N được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

**[4]. Về con chung:** Chị Nga và anh D không có con chung, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản:**Chị N và anh D không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[6]. Về án phí:** Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trương Thị Quế N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Trương Thị Quế N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

**[7]. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:** Chị Trương Thị Quế N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, theo quy định tại Điều 153, 154 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí và lệ phí thực hiện ủy thác tư

pháp đã nộp 200.000 đồng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị N đã nộp đủ số tiền 200.000 đồng.

Ngoài ra, chị Trương Thị Quế N còn có nghĩa vụ phải nộp toàn bộ chi phí đăng bản án trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản; Thông báo trên Cục lãnh sự, Bộ ngoại giao; Thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang sẽ thực hiện việc tổng đạt bản án sơ thẩm ra nước ngoài sau khi nhận được tiền tạm ứng chi phí đăng tin và niêm yết bản án do chị Trương Thị Quế N nộp.

**[8]. Về quyền kháng cáo bản án:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 154; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 474, điểm c khoản 6 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27, Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Quế N.

**- Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trương Thị Quế N được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

**- Về án phí sơ thẩm:** Chị Trương Thị Quế N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000432 ngày 09/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**- Về lệ phí ủy thác tư pháp:** Chị Trương Thị Quế N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0000436 ngày 10/9/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

**- Về quyền kháng cáo:** Chị Trương Thị Quế N hiện cư trú tại Việt Nam, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn D hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**

